TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/DS-ST
Ngày 04 - 02 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Danh Hưởng

2. Bà Dương Thị Tú Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X - Cà Mau.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 317/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Văn H**, sinh ngày 01/01/19AA. Số căn cước X. Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh ngày 06/02/1990. Số căn cước Y (Vắng mặt).

2. Anh **Nguyễn Văn G,** sinh ngày 22/12/1984. Số căn cước X(Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P1, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 01/01/1954. Số căn cước công dân Z. Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 16/6/2025, Biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2025 và tại phiên tòa, ông Dương Văn H là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 09 tháng giêng năm 2023 âm lịch (ngày 30/01/2023 dương lịch), Chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp gặp ông Dương Văn H để mượn số tiền 40.000.000 đồng. Ông H là người trực tiếp đưa số tiền trên cho chị N. Khi mượn tiền chị N hẹn là tháng 5 năm 2023 âm lịch sẽ trả đủ số tiền trên cho ông H. Khi chị N mượn tiền của ông H thì có làm Giấy mượn tiền ngày 09 tháng giêng năm

2023 do chính chị N viết và ký họ tên. Việc mượn tiền giữa ông H và chị N thì có vợ của ông H là bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp chứng kiến. Khi mượn tiền, ông H và chị N có thỏa thuận miệng lãi suất là 7%/tháng, hiện nay ông H chỉ nhớ là chị N có lãi cho ông H được vài tháng (khoảng 05 đến 06 tháng) nhưng ông H không nhớ chính xác số tiền mà chị N đã đóng lãi là bao nhiêu. Khi chị N mượn tiền của ông H thì chỉ có chị N viết và ký tên vào Giấy mượn tiền. Tuy nhiên, chị N với anh G là vợ chồng và chị N mượn tiền về để mua xe tải phục vụ cho việc mua bán phế liệu của gia đình. Do đó, nay ông H yêu cầu chị N và anh G trả cho H số tiền vay gốc 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông H không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G: Tòa án nhân dân khu vực X - Cà Mau đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập chị N và anh G đến Tòa án, nhưng chị N và anh G không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của chị N và anh G đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực X - Cà Mau căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông H cung cấp và do Tòa án thu thập để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Số tiền 40.000.000 đồng mà ông H cho chị N và anh G vay là tài sản chung của bà Đ và ông H. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc giải quyết vụ án nên bà Đ đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H là chỉ yêu cầu chị N và anh G trả cho ông H số tiền 40.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Đ không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán vi phạm Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người tham dự phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463,

466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H đối với chị N và anh G; buộc chị N và anh G thanh toán cho ông H số tiền vay gốc 40.000.000 đồng và áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án. Chị N và anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông H khởi kiện yêu cầu chị N và anh G thanh toán cho ông H số tiền vay gốc 40.000.000 đồng. Chị N và anh G hiện cư trú tại Ấp P1, xã P, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực X - Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 sửa đổi, bổ sung một điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[1.2] Chị N và anh G đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án nhân dân khu vực X - Cà Mau đã triệu tập chị N và anh G hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị N và anh G vẫn vắng mặt không rõ lý do và bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh G và bà Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông H yêu cầu chị N và anh G có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Ông H cung cấp cho Tòa án bản gốc Giấy mượn tiền ngày 09 tháng giêng năm 2023 âm lịch. Qua xem xét Giấy mượn tiền ngày 09 tháng giêng năm 2023 có nội dung: *"Con tên Nguyễn Thị N: Ấp P, thị trấn P, tỉnh Bạc Liêu. Hôm nay ngày 09 tháng giêng con có mượn tiền của cậu ba là: Ông Dương Văn H số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu). Hẹn trả cậu ba là tháng 5 là con trả đủ 40.000.000 (bốn mươi triệu). Hôm nay con làm giấy nầy để làm bằng chứng nếu sai là con hoàn toàn chịu trách nhiệm. Phước 3A ngày 09 tháng giêng năm 2023"*. Phía dưới giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Thị N.

[2.1.2] Đối với chị N và anh G đã được triệu tập hợp lệ và được thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng vắng mặt, không gửi bất kỳ chứng cứ hoặc thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của ông H và cũng không có ý kiến phản đối. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành đến nơi cư trú của chị N và anh G để lấy lời khai, nhưng không thực hiện được do chị N và anh G không có mặt ở nhà (Bút lục 41). Tại Biên bản xác minh ngày 17/11/2025, đại diện chính quyền địa phương xác định chị N và anh G là vợ chồng, chị N và anh G vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú ở Ấp P1, xã P, tỉnh Cà Mau. Hiện nay, chị N và

anh G đi làm thuê nên không có mặt ở nhà, ở nhà có một người con đang ở, chị N và anh G đi làm nhưng vẫn thường xuyên về nhà (Bút lụt 42 - 43). Từ đó cho thấy, chị N và anh G mặc nhiên thừa nhận có giao dịch vay tiền với ông H và hiện tại còn nợ số tiền như ông H yêu cầu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ ông H cung cấp, có cơ sở để xác định chị N và anh G có giao dịch vay tiền với ông H và hiện tại còn nợ số tiền 40.000.000 đồng. Chị N và anh G không có chứng cứ gì chứng minh sau khi viết Giấy mượn tiền ngày 09 tháng giêng năm 2023 âm lịch thì chị N và anh G có thanh toán một phần hay toàn bộ số nợ nêu trên cho ông H. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu chị N và anh G có nghĩa vụ thanh toán cho ông H số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Ông H không yêu cầu chị N và anh G thanh toán số tiền lãi của số tiền gốc nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông H nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Mặt khác, chị N và anh G không có yêu cầu xem xét đối với số tiền lãi chị N và anh G đã thanh toán cho ông H nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận toàn bộ nên chị N và anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 5% trên tổng số tiền chị N và anh G có trách nhiệm thanh toán cho ông H, bằng 5% x 40.000.000 đồng = 2.000.000 đồng. Ông H không phải nộp án phí.

[3] Như đã phân tích, các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 sửa đổi, bổ sung một điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.3 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H đối với chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G thanh toán số tiền gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

2. Buộc chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Dương Văn H số tiền gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;

4.2. Ông Dương Văn H không phải nộp án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực X - Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Văn Nhựt